

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng quy định hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4042/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Quyết định số 5914/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 4043/SXD-QH ngày 09/6/2022 của Sở Xây dựng về việc ý kiến về ý kiến về nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng 05 xã: Dân Lực, Thọ Phú, Hợp Lý, Khuyến Nông, Tiến Nông, huyện Triệu Sơn đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 3192/SGTVT-KHTC ngày 20/6/2022 của Sở Giao thông vận tải về việc tham gia ý kiến các quy hoạch địa bàn huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Thông báo kết luận số 562-TB/HU ngày 25/5/2022 của Thường trực Huyện ủy;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của HĐND xã Thọ Phú về việc thông qua đề án quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 381/TĐ-KTHT ngày 30/9/2022 (kèm theo Tờ trình của UBND xã Thọ Phú).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 với những nội dung sau:

1. Phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch

a) Phạm vi, ranh giới nghiên cứu:

Phạm vi ranh giới nghiên cứu trên toàn bộ địa giới hành chính của xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn, ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn;
- Phía Nam giáp xã Dân Lực và xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn;
- Phía Đông giáp xã Thiệu Hòa, huyện Thiệu Hóa;
- Phía Tây giáp xã Xuân Thịnh và xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn.

b) Quy mô diện tích lập quy hoạch: bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên xã Thọ Phú khoảng 478,83 ha.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

2.1. Mục tiêu quy hoạch

- Làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn xã, làm cơ sở để hướng dẫn quản lý trong việc lập các dự án quy hoạch, chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển, quản lý và phát triển các khu dân cư nông thôn, các khu vực phát triển nông, thủy sản, công nghiệp xây dựng, dịch vụ thương mại... và hệ thống các công trình chuyên ngành.

- Gắn kết chặt chẽ với chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, dự án khác, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

2.2. Tính chất, chức năng và kinh tế chủ đạo của xã

- Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch chung xây dựng là một đơn vị hành hương tới đạt và vượt các tiêu chí của xã chính cấp xã hoàn chỉnh với đầy đủ các hoạt động chức năng nhà nước quy định nông thôn mới nâng cao.

- Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030 xã Thọ Phú là vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (tích tụ, tập trung đất đai; đưa các mô hình, áp

dụng chuyển giao và áp dụng các tiến bộ khoa học sản xuất vào phát triển nông nghiệp); phát triển chăn nuôi theo mô hình gia trại.

3. Quy mô dân số và đất đai theo các giai đoạn phát triển

3.1. Dự báo quy mô dân số:

Năm 2020 là 4.476 người; dự báo đến năm 2025 dân số toàn xã là 4.716 người, số người trong độ tuổi lao động 2.830 người (chiếm 60 % dân số); dự báo đến năm 2030 dân số toàn xã là 4.969 người, số người trong độ tuổi lao động 2.981 người (chiếm 60% dân số).

3.2. Dự báo quy mô đất xây dựng:

- Giai đoạn 2020÷2025: $\geq 19,02$ ha.
- Giai đoạn 2025÷2030: $\geq 19,56$ ha.

4. Phân khu chức năng

4.1. Khu trung tâm xã:

Trên cơ sở các công trình công cộng hiện có xây dựng khu trung tâm xã khang trang có đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và công trình công cộng phục vụ nhân dân...

4.2. Hệ thống thôn và các khu dân cư tập trung:

Tôn trọng hình thái ở hiện trạng tại các thôn bản, cải tạo chỉnh trang hệ thống hạ tầng xã hội và kỹ thuật đảm bảo các tiêu chuẩn ngành, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

4.3. Khu sản xuất, dịch vụ

a) Khu sản xuất nông nghiệp

Tập trung sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (tích tụ, tập trung đất đai, đưa các mô hình, áp dụng chuyển giao và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát triển chăn nuôi theo hướng gia trại.

Tập trung phát triển vùng sản xuất tập trung:

- Vùng sản xuất lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả cao diện tích 250 ha
- Vùng sản xuất lúa cá: Diện tích 10 ha bao gồm các vùng sau:
 - + Vùng 1: Diện tích 3 ha, tại khu Bờ hồ - Thôn 3;
 - + Vùng 2: Diện tích 3 ha, tại khu hồ công tây, còn lá – Thôn 4,5
 - + Vùng 3: Diện tích 4 ha, tại khu đồng Bái, công đá – Thôn 6
- Vùng trồng cây ăn quả: Diện tích 12 ha, bao gồm 4 khu như sau:
 - + Vùng 1: Diện tích 2 ha, tại khu Hà Thố, thôn 2;
 - + Vùng 2: Diện tích 3 ha, tại khu Mã Lộn (gần trạm bơm 2) thôn 3;
 - + Vùng 3: Diện tích 3 ha, tại khu công còn lá (giáp xã Dân Lực) thôn 5;
 - + Vùng 4: Diện tích 4 ha, tại khu Nèo Khanh, nước vàng của thôn 6.
- Vùng quy hoạch khu trang trại chăn nuôi tập trung: Diện tích 3 ha tại khu Hà Thông thôn 4.
- Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Diện tích 8 ha tại khu gốc gạo của thôn 4.

b) Khu sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ

- Nhằm từng bước xây dựng nền kinh tế phát triển bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế tăng dần các ngành có tính chất phi nông nghiệp. Trong kỳ quy hoạch từ nay đến năm 2030 như sau:

+ Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là ngành được quan tâm chú trọng trong những năm tới, là ngành mũi nhọn, tạo động lực phát triển cho xã. Cần xây dựng cơ chế, thành lập doanh nghiệp phát triển tiểu công nghiệp.

+ Phát triển ngành thương mại, dịch vụ trở thành ngành mũi nhọn, là trụ cột của nền kinh tế trên cơ sở đẩy mạnh đầu tư phát triển Khu Dịch vụ thương mại trọng tâm với quy mô lớn và đồng bộ. Đặc biệt dịch vụ thương mại tại chợ Hào kết nối với các khu vực xung quanh.

- Ngoài ra, kết hợp du lịch văn hóa – lịch sử của quần thể di tích Am Tiêm – Ngàn Nưa, kết hợp các điểm di tích nội huyện (Đảo Cò, Phú Vạn, đền thờ Nguyễn Hiệu, Lê Bất Tứ, Lê Thị Hiến, Lê Thị Hải của xã Thọ Phú và các khu, điểm du lịch lân cận (Phủ Na, Bến En, đền Vua Bà, thành Hoàng Nghiêu...);

- Phát triển khu thương mại, dịch vụ và sản xuất kinh doanh tại hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tại Khu đồng khổ (đọc đường đi Thiệu Hóa) - Thôn 4.

- Khuyến khích, kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế để thúc đẩy nhanh quá trình thương mại hoá nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi để các hộ dân trên địa bàn xã tham gia xây dựng hệ thống thương mại đồng bộ, xây dựng các cơ sở kinh doanh, siêu thị và xây dựng chợ nông thôn trở thành tiêu điểm phát triển thương mại, dịch vụ. Tạo cơ chế mở để khuyến khích nhân dân chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp thuần túy sang kinh doanh thương mại, từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập cho nhân dân.

c) Khu vực có khả năng phát triển

Quỹ đất xây dựng của xã lớn, phân bố ở tất cả các thôn, tùy theo nhu cầu cụ thể sẽ quy hoạch các khu vực xây dựng cho phù hợp.

4.4. Khu vực cấm xây dựng, đặc thù và các công trình đầu mối

- Vùng hạn chế xây dựng: Các khu vực sản xuất nông nghiệp, khu vực này chủ yếu giữ theo hiện trạng, để đảm bảo ổn định diện tích sản xuất nông nghiệp.

- Vùng cấm xây dựng: bao gồm các vùng xung quanh các Hồ - Đập, đây là khu vực dễ gặp nạn khi có biến cố thiên tai về khí hậu như mưa bão lớn.

5. Định hướng tổ chức không gian toàn xã

5.1. Định hướng phát triển không gian tổng thể

Định hướng đến năm 2030, bố trí không gian phát triển dọc trục đường QL.47C, tuyến đường trục xã, liên xã và các tuyến đường liên thôn, trục thôn. Phát huy vị thế của xã tiếp giáp với huyện Thiệu Hóa. Tập trung đầu tư phát triển các loại hình kinh tế thương mại, dịch vụ chợ Hào để nâng cao giá trị sản xuất, tăng thu nhập cho nhân dân và mức sống dân cư; chỉnh trang không gian dân cư làng xóm. Phát triển các khu di tích – lịch sử, văn hóa như di tích đền thờ Lê Thị Hiến, Lê Thị Hải kết hợp với các điểm du lịch như Phủ Na, Bến En, đền Vua Bà, thành Hoàng Nghiêu.

Bên cạnh đó, tập trung đầu tư xây dựng các khu vực sản xuất nông nghiệp tập trung cùng với định hướng quy hoạch vùng huyện Triệu Sơn như cụm làng nghề Xuân Lộc, cụm công nghiệp Thọ Ngọc, cụm công nghiệp liên xã Dân Lực - Dân Lý – Dân Quyền.

5.2. Định hướng tổ chức công trình công cộng

Các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã hiện nay cơ bản đã đáp ứng được những quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng. Định hướng cụ thể như sau:

TT	Hạng mục	Vị trí	Định hướng quy hoạch	Diện tích (ha)	Định hướng kiến trúc
1	Công sở xã	Sân thể thao xã	Xây mới	0,53	Kiến trúc phù hợp với tính chất công trình, hài hòa cảnh quan khu vực địa phương + Chiều cao từ 2-3 tầng; + Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$ + Mật độ cây xanh: 30%.
2	Trung tâm văn hóa xã TĐTT	Khu đầu chợ thôn 3	Xây mới	1,6	Sân thể thao xã: $90 \times 120 = 10.800 \text{ m}^2$. Khu vui chơi, giải trí công cộng: 5.200 m^2 gồm các hạng mục như cây xanh, tường rào, đường đi. Diện tích XD công trình: 45%; Diện tích phân sân tập ngoài trời: 20%; Diện tích sân vườn: 20%; Diện tích giao thông nội bộ: 15%.
3	Trụ sở Công An xã	Trụ sở UBND cũ và một phần trạm y tế	Cải tạo	0,33	Chỉnh trang phù hợp với tính chất công trình, hài hòa cảnh quan khu vực + Chiều cao từ 1-2 tầng; + Mật độ xây dựng: ≤ 30
4	Trạm Y tế	Trụ sở UBND cũ	Cải tạo		Chỉnh trang phù hợp với tính chất công trình, hài hòa cảnh quan khu vực + Diện tích xây dựng công trình: 40% so với khu đất + Diện tích cây xanh: 30% so với khu đất. + Vườn thuốc nam: 500 m ² .
5	Trường học				
5.1	Trường THCS	Giữ nguyên vị trí	Cải tạo, xây mới một số 4 phòng chức năng	0,95	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực miền núi, phù hợp với cảnh quan xung quanh + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng: $\leq 35\%$ + Diện tích cây xanh $\geq 30\%$
5.2	Trường tiểu học	Giữ nguyên vị trí	Cải tạo, xây mới (4 phòng chức năng + 1 thư viện + Hội	0,73	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực miền núi, phù hợp với cảnh quan xung quanh

TT	Hạng mục	Vị trí	Định hướng quy hoạch	Diện tích (ha)	Định hướng kiến trúc
			trường) với DT 400m ² XD		+ Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng: ≤35% + Diện tích cây xanh ≥30%
5.3	Trường mầm non	Giữ nguyên vị trí	Cải tạo nhà 2 tầng (6 phòng học, 2 phòng chức năng)	0,25	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực miền núi, phù hợp với cảnh quan xung quanh + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng: ≤35% + Diện tích cây xanh ≥30%
6	HTX dịch vụ NN	Khu đồng khô (dọc đường đi Thiệu Hóa) - Thôn 4	Quy hoạch mới	0,25	Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, mang đặc trưng của công trình thương mại + Chiều cao từ 1-2 tầng; + Mật độ xây dựng ≤40%
7	Chợ	Giữ nguyên vị trí	Quy hoạch mở rộng	0,15	Chỉnh trang phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, mang đặc trưng của công trình thương mại + Chiều cao từ 1-2 tầng; + Mật độ xây dựng ≤40%
8	Đài tưởng niệm	Giữ nguyên vị trí	Quy hoạch mở rộng vào trạm y tế	0,04	Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng. Mật độ xây dựng ≤40%
9	Buru điện xã	Giữ nguyên vị trí	Cải tạo	0,025	Kiến trúc phù hợp với tính chất công trình và hài hòa với cảnh quan xung quanh, với văn hóa + Chiều cao từ 1-2 tầng; + Mật độ xây dựng khu nhà văn hóa ≤45%
10	Nhà văn hóa và sân TT của các thôn				
10.1	Thôn 1	Khu trạm biến áp 4	Xây mới	0,25	Kiến trúc phù hợp với tính chất công trình và hài hòa với cảnh quan xung quanh, với văn hóa + Chiều cao từ 1-2 tầng; + Mật độ xây dựng ≤10%
10.2	Thôn 2	Tại NVH thôn 3A cũ và mở rộng	Xây mới	0,26	Kiến trúc phù hợp với tính chất công trình và hài hòa với cảnh quan xung quanh, với văn hóa + Chiều cao từ 1-2 tầng; + Mật độ xây dựng ≤10%
10.3	Thôn 3	Khu trạm biến áp 3	Xây mới	0,25	Kiến trúc phù hợp với tính chất công trình và hài hòa với cảnh quan xung quanh, với văn hóa + Chiều cao từ 1-2 tầng; + Mật độ xây dựng ≤10%
10.4	Thôn 4	Khu đất mạ thôn 6 cũ	Xây mới	0,25	Kiến trúc phù hợp với tính chất công trình và hài hòa với cảnh quan xung quanh, với văn hóa + Chiều cao từ 1-2 tầng; + Mật độ xây dựng ≤10%

TT	Hạng mục	Vị trí	Định hướng quy hoạch	Diện tích (ha)	Định hướng kiến trúc
10.5	Thôn 5	Khu trạm biến thế	Xây mới	0,35	Kiến trúc phù hợp với tính chất công trình và hài hòa với cảnh quan xung quanh, với văn hóa + Chiều cao từ 1-2 tầng; + Mật độ xây dựng $\leq 10\%$
10.6	Thôn 6	Khu đồng bãi	Xây mới	0,25	Kiến trúc phù hợp với tính chất công trình và hài hòa với cảnh quan xung quanh, với văn hóa + Chiều cao từ 1-2 tầng; + Mật độ xây dựng $\leq 10\%$
11	Khu ngã địa	Thôn 6	QH mới khu góc gáo	0,85	Kiến trúc phù hợp với tính chất công trình và hài hòa với cảnh quan xung quanh, với văn hóa
12	Khu di tích	Thôn 3 (Khu Đồng Văn Thôn Nội Sơn)	QH mở rộng khu miếu Lê Thị Hiền và Lê Thị Hải	4,0	Kiến trúc phù hợp với tính chất công trình và hài hòa với cảnh quan xung quanh, với văn hóa
13	Bãi rác	Khu đồng Nèo quán - Thôn 3	QH mới	0,85	Kiến trúc phù hợp với tính chất công trình và hài hòa với cảnh quan xung quanh, với văn hóa

5.3. Định hướng tổ chức quy hoạch khu dân cư mới và cải tạo.

- Giữ nguyên các khu dân cư hiện trạng tại 6 thôn. Cải tạo, chỉnh trang, đồng thời ban hành quy định quản lý kiến trúc và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của bộ mặt của các thôn, xóm với diện tích 67,77 ha.

- Bố trí quỹ đất xây dựng các khu dân cư mới đến năm 2025 là 70,44 ha; đến năm 2030 là 74,41 ha.

6. Quy hoạch sử dụng đất

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	MĐ XD (%)	Tầng cao (tầng)	HS SDD (lần)
1	Trụ sở UBND	TSC01	0,53	40	1-3	1,2
2	NVH đa năng	NVH01	0,2	40	1-3	1,2
3	Nhà công an	DCA01	0,17	40	1-3	1,2
4	Y tế	DYT01	0,33	40	1-3	1,2
5	Sân thể thao xã	STT01	1,6			
6	Sân thể thao thôn					
-	QH đất TT thôn 1	DTT01	0,20			
-	QH đất TT thôn 2	DTT02	0,20			
-	QH đất TT thôn 3	DTT03	0,20			
-	QH đất TT thôn 4	DTT04	0,20			
-	QH đất TT thôn 5	DTT05	0,30			
-	QH đất TT thôn 6	DTT06	0,20			
7	Đất công trình văn hóa					

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	MĐ XD (%)	Tầng cao (tầng)	HS SDD (lần)
-	QH nhà văn hóa thôn 3	NVH03	0,05	40	1-3	1,2
-	QH nhà văn hóa thôn 4	NVH04	0,05	40	1-3	1,2
-	QH nhà văn hóa thôn 6	NVH06	0,05	40	1-3	1,2
8	Đất thương mại dịch vụ					
-	QH mở rộng chợ	TMD01	0,15	40	1-3	1,2
-	HTX DV nông nghiệp	TMD02	0,25	40	1-3	1,2
9	Đất ở nông thôn					
-	Xen cư Nhà Văn hoá thôn 1	DCM01	0,07	80	1-3	2,4
-	Khu dân cư mới thôn 2	DCM02	0,55	80	1-3	2,4
-	Khu dân cư mới thôn 2	DCM03	0,5	80	1-3	2,4
-	Xen cư Nhà Văn hoá thôn 3	DCM04	0,02	80	1-3	2,4
-	Khu dân cư mới thôn 3	DCM05	0,4	80	1-3	2,4
-	Khu dân cư mới thôn 4	DCM06	0,24	80	1-3	2,4
-	Khu dân cư mới thôn 5	DCM07	0,84	80	1-3	2,4
-	Xen cư Nhà Văn hoá 5	DCM08	0,02	80	1-3	2,4
-	Khu dân cư mới thôn 5	DCM09	0,15	80	1-3	2,4
-	Khu dân cư mới thôn 5	DCM10	0,84	80	1-3	2,4
-	Khu dân cư mới thôn 5	DCM11	1	80	1-3	2,4
-	Khu dân cư mới thôn 5	DCM12	0,88	80	1-3	2,4
-	Khu dân cư mới thôn 5	DCM13	1,1	80	1-3	2,4
-	Xen cư Nhà Văn hoá thôn 6	DCM14	0,03	80	1-3	2,4
10	Quy hoạch mở rộng Đền Rồng	TIN01	0,11	40		
11	Quy hoạch mở rộng di tích Lê Thị Hiến	DTT01	4	40		
12	Quy hoạch bãi rác thải	DRA01	1,2			
13	Quy hoạch mở rộng nghĩa địa thôn 1	NTD01	0,42			
-	Quy hoạch mới nghĩa địa khu góc gáo thôn 6	NTD02	0,85			
14	QH vùng cá - lúa		10			
-	Vùng cá - lúa 1	CL01	3			
-	Vùng cá - lúa 2	CL02	3			
-	Vùng cá - lúa 3	CL03	4			
15	QH vùng cây ăn quả		12			
-	Vùng cây ăn quả 1	CAQ01	2			
-	Vùng cây ăn quả 2	CAQ02	3			
-	Vùng cây ăn quả 3	CAQ03	3			
-	Vùng cây ăn quả 4	CAQ04	4			
16	Quy hoạch khu trang trại chăn nuôi tập trung	NKH01	3			
17	Quy hoạch vùng rau an toàn	NKH02	4,8			
18	Vùng NN ứng dụng CNC					
-	Vùng NN ứng dụng CNC 1	NKH03	4			
-	Vùng NN ứng dụng CNC 2	NKH04	4			

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	MĐ XD (%)	Tầng cao (tầng)	HS SDD (lần)
19	Hiện trạng đất ở nông thôn	HT	67,77			
20	Đất nông nghiệp	NN	293,71			
21	Đất khác		39,65			
TỔNG			478,83			

7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối

7.1. Quy hoạch giao thông:

a) Hệ thống giao thông đối ngoại.

- Đường Quốc lộ: Tuyến Quốc lộ 47C chạy qua địa bàn xã với chiều dài 1,2 km; đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 4 làn xe chạy. Quy mô MCN như sau: lộ giới 46m, lòng đường 12m, hành lang giao thông $2 \times 17m = 34m$. Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa.

- Đường huyện:

+ Đường huyện ĐH.05 (Thọ Phú – Thọ Tân) qua xã với chiều dài 1,2km; đạt tiêu chuẩn đường cấp V, 2 làn xe chạy. Quy mô MCN như sau: lộ giới 27,5m, lòng đường 7,5m, hành lang giao thông $10,0m \times 2 = 20m$. Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa, láng nhựa, BTXM.

+ Đường huyện ĐH.10 (tuyến quy hoạch mới) qua xã với chiều dài 2,25km; đạt tiêu chuẩn đường cấp V, 2 làn xe chạy. Quy mô MCN như sau: lộ giới 27,5m, lòng đường 7,5m, hành lang giao thông $10,0m \times 2 = 20m$. Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa, láng nhựa, BTXM.

b) Hệ thống giao thông đối nội:

- Tuyến đường xã: gồm 03 tuyến với tổng chiều dài 1,3km; nâng cấp, cải tạo với quy mô MCN như sau: lộ giới 17,5m, lòng đường 7,5m, hè đường $5,0m \times 2 = 10m$. Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa, láng nhựa, BTXM.

- Tuyến đường thôn, ngõ xóm: gồm 72 tuyến với tổng chiều dài 9,4km; nâng cấp, cải tạo mặt đường bằng BTXM với quy mô MCN như sau:

+ Đường thôn: nền đường 6,0m, mặt đường 4,0m, lề đường $1,0m \times 2 = 2m$.

+ Đường ngõ xóm: nền đường 5,0m, mặt đường 3,5m, lề đường $0,75m \times 2 = 1,5m$.

7.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt

a) San nền

- Tôn trọng địa hình tự nhiên, cao độ các khu dân cư hiện trạng giữ nguyên, các khu xây dựng mới, cos nền xây dựng phải phù hợp với hiện trạng, khi thiết kế nâng cos nền cần xem xét và nghiên cứu đến khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng cục bộ cho các khu hiện trạng.

- Chỉ khống chế cao độ xây dựng tại một số khu vực xây dựng tương đối lớn;

- San nền cục bộ tại các điểm xây dựng nhỏ lẻ. Độ dốc san nền phải thuận tiện cho giao thông trong khu vực, đảm bảo nước tự chảy;

- Hướng dốc san nền hướng về hệ thống kênh mương mới được đầu tư xây dựng.

b) Thoát nước mặt

- Các tuyến mương thoát nước mưa chạy dọc theo các tuyến giao thông và chảy ra Sông nhà Lê (tiêu nước về Thọ Thế), cống Tây (Thôn 5 chảy về xã Thái Hòa, huyện Thiệu Hóa).

- Để đảm bảo tiêu úng tốt cho các tiểu vùng, trước mắt cần nạo vét khơi dòng các kênh mương thoát nước dọc đường để đảm bảo dòng chảy tốt khi mưa lớn kéo dài. Từng bước kiên cố hóa, xây mới hệ thống kênh tiêu, mở rộng mặt cắt kênh dẫn nước để có thể tiêu thoát nước nhanh khi mưa lớn kéo dài.

7.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Nhu cầu cấp nước đến năm 2030 là 668m³/ngày đêm.

- Nguồn nước sạch: từ mạng lưới đường ống cấp nước sạch của nhà máy nước sạch Thọ Ngọc, tại xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn. Giai đoạn trước mắt, nguồn nước sinh hoạt được lấy từ nguồn nước giếng khoan từ các mạch nước ngầm, nước mưa.

- Mạng lưới đường ống: Xây dựng các tuyến ống truyền dẫn (D300 đến D500) và các tuyến phân phối (D100 đến D200) từ nhà máy nước Thọ Phú chạy dọc theo các tuyến đường quy hoạch trong khu vực đảm bảo cấp nước cho xã theo định hướng hoạch chuyên ngành cấp nước đã được phê duyệt.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hỏa đầu nối với đường ống cấp nước có đường kính $\geq D100$ mm và khoảng cách giữa các họng cứu hỏa khoảng 100-150m.

7.4. Quy hoạch cấp điện

- Nhu cầu cấp điện toàn xã đến năm 2025 là 3.022 kVA, đến năm 2030 là 3.110 kVA.

- Nguồn cấp điện: Từ trạm 110kV Triệu Sơn 2.

- Đường dây điện: Duy trì và phát triển lưới điện trung áp 22KV cấp điện cho các trạm biến áp phụ tải. Các tuyến điện trung áp 22KV quy hoạch được thiết kế đi ngầm, riêng đối với các khu tiểu thủ công nghiệp thì tuyến điện trung áp được thiết kế đi nổi để thuận tiện cho công tác vận hành, Tiết diện dây và kết cấu tuyến đường dây trên không phải tuân thủ theo đúng quy phạm trang bị điện và các quy định của ngành điện.

- Trạm điện: Giữ nguyên 4 TBA hiện trạng tại thôn 1, 3, 4, 5; nâng công suất các trạm hiện trạng và các tuyến đường dây tải điện hiện có để đảm bảo nhu cầu cấp điện. Xây mới thêm 4 TBA tại các thôn 3 (02 trạm), thôn 4 (01 trạm) thôn 5 (01 trạm) với công suất mỗi trạm là 320 kVA đảm bảo cho nhu cầu sử dụng điện trong giai đoạn đến năm 2030.

7.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải đều chảy về rãnh có nắp đan chạy song song với đường giao thông và thu gom về khu xử lý nước thải.

- Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thâm thấu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

b) Hệ thống rác thải

- Tổng lượng rác thải sinh hoạt đến năm 2025 khoảng 3.712 kg/ngđ; đến năm 2030 khoảng 3.816 kg/ngđ.

- Định hướng xử lý rác thải:

+ Giai đoạn đến năm 2025: Quy hoạch khu tập kết xử lý rác thải tại khu khu đồng Nèo quán, thôn 3 với diện tích 1,2 ha.

+ Giai đoạn từ năm 2026 - 2030: toàn bộ rác thải được thu gom và xử lý tại khu xử lý rác Thái Hòa - Vân Sơn với diện tích khoảng 15ha.

c) Quy hoạch nghĩa trang

- Trong giai đoạn quy hoạch các nghĩa trang hiện trạng của các thôn vẫn giữ lại, tiếp tục phục vụ nhu cầu an táng cho nhân dân.

- Trong giai đoạn đến năm 2030, quy hoạch mở rộng nghĩa trang thôn 1 với diện tích 0,42ha và quy hoạch mới nghĩa trang khu Gốc Gáo thôn 6 với diện tích 0,85ha.

- Định hướng giai đoạn 2030-2045: Sử dụng nghĩa trang tập trung tại khu vực Thọ Bình, Thọ Phú với quy mô diện tích khoảng 80ha. Định hướng tổ chức thành các công viên vĩnh hằng có cảnh quan đẹp và môi trường được đảm bảo.

7.6. Hạ tầng phục vụ sản xuất

a) Hệ thống giao thông nội đồng:

- Cơ bản giữ nguyên hệ thống giao thông theo hiện trạng, nâng cấp, cải tạo các tuyến giao thông chưa đảm bảo quy định trong xây dựng NTM, đáp ứng nhu cầu đi lại sản xuất của người dân.

- Tuyến đường nội đồng: gồm 37 tuyến với tổng chiều dài 13,1km. Đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường GTNT cấp A. Quy mô MCN như sau: nền đường 7,5m, mặt đường 3,5m, lề đường 2,0m x 2 = 4,0m. Kết cấu mặt bằng BTXM.

b) Hệ thống thủy lợi:

Cơ bản giữ nguyên hệ thống kênh mương theo hiện trạng, kiên cố hóa, nâng cấp tu bổ, xây mới lại hệ thống kênh mương chính của xã hiện còn là mương đất. Trong giai đoạn quy hoạch đến năm 2030, dự kiến nâng cấp các trạm bơm và các tuyến kênh mương chính đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã.

8. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

8.1. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư

- Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn, đầu tư hệ thống HTKT, HTXH đồng bộ, tạo nguồn lực để đầu tư các nguồn lực khác

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông trục chính, đầu tư hệ thống rãnh thoát nước, cây xanh, hệ thống chiếu sáng

- Xây dựng, cải tạo kiên cố hóa hệ thống kênh mương nội đồng

- Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước thải, thoát nước mặt theo hướng đồng bộ- hiện tại

- Nâng cấp các trạm biến áp hiện có

- Đầu tư trang thiết bị trường học

- Xây dựng mới nhà công an. Đầu tư trang thiết bị cho các nhà văn hóa thôn, sân thể thao, trạm y tế, bưu điện...

8.2. Nguồn vốn: Từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Thọ Phú có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đề án quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện; đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Quản lý chặt chẽ quỹ đất quy hoạch xây dựng, quản lý việc xây dựng theo quy hoạch.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tim tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Thọ Phú tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Thọ Phú và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- CT, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3 QĐ;
- UBND xã Thọ Phú;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Đức Kính